

CÔNG TY CỔ PHẦN KIẾN TRÚC NỘI THẤT ELKAY
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN KIẾN TRÚC NỘI THẤT ELKAY

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên công ty viết tắt:

2. Mã số doanh nghiệp: 0109641724

3. Ngày thành lập: 20/05/2021

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Thôn Liễu Trì, Xã Mê Linh, Huyện Mê Linh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0869555051

Fax:

Email: info@elkay

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Trồng ngô và cây lương thực có hạt khác	0112
2.	Trồng cây lấy củ có chất bột	0113
3.	Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa	0118
4.	Trồng cây ăn quả	0121
5.	Hoạt động dịch vụ sau thu hoạch	0163
6.	Xử lý hạt giống để nhân giống	0164
7.	Trồng cây hàng năm khác	0119
8.	Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt	1010
9.	Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản	1020
10.	Chế biến và bảo quản rau quả	1030
11.	Hoạt động dịch vụ trồng trọt	0161
12.	Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng	1104
13.	May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú)	1410
14.	In ấn	1811
15.	Dịch vụ liên quan đến in	1812
16.	Sản xuất hoá chất cơ bản	2011
17.	Sản xuất phân bón và hợp chất ni tơ	2012
18.	Sản xuất mỹ phẩm, xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh	2023
19.	Sản xuất sản phẩm hoá chất khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Sản xuất chất xử lý nước thải	2029
20.	Sản xuất sản phẩm từ plastic	2220
21.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592

22.	Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thế điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện	2710
23.	Sản xuất máy nông nghiệp và lâm nghiệp	2821
24.	Sản xuất máy khai thác mỏ và xây dựng	2824
25.	Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế	3100
26.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
27.	Sửa chữa thiết bị điện	3314
28.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
29.	Khai thác, xử lý và cung cấp nước	3600
30.	Thoát nước và xử lý nước thải	3700
31.	Thu gom rác thải không độc hại	3811
32.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải không độc hại	3821
33.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải độc hại	3822
34.	Tái chế phế liệu (trừ tái chế chì và ác quy)	3830
35.	Thu gom rác thải độc hại	3812
36.	Phá dỡ	4311
37.	Chuẩn bị mặt bằng	4312
38.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
39.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
40.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác Chi tiết: Xây dựng nền móng của tòa nhà, gồm đóng cọc, thử độc ẩm và các công việc thử nước, chống ẩm các tòa nhà, chôn chân trụ, dỡ bỏ các phần thép không tự sản xuất; Uốn thép; Xây gạch đá và đặt đá; Lợp mái bao phủ tòa nhà; Dựng giàn giáo và các công việc tạo dựng mặt bằng bằng dỡ bỏ hoặc phá huỷ các công trình xây dựng trừ việc thuê giàn giáo và mặt bằng; Dỡ bỏ ống khói và các nồi hơi công nghiệp; Các công việc dưới bề mặt; Xây dựng bể bơi ngoài trời; rửa bằng hơi nước, nổ cát và các hoạt động tương tự cho bể ngoài tòa nhà; Thuê cần trục có người điều khiển.	4329
41.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
42.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác Chi tiết: Bán buôn ô tô con (loại 12 chỗ ngồi trở xuống); Bán buôn xe có động cơ khác: Ô tô chở khách loại trên 12 chỗ ngồi, kể cả xe chuyên dụng như xe cứu thương; Ô tô vận tải, kể cả loại chuyên dụng như xe bồn, xe đông lạnh, rơ-moóc và bán rơ-moóc; Ô tô chuyên dụng: xe bồn, xe cứu hộ, xe cứu hỏa, xe chở rác, xe quét đường, xe phun tưới, xe trộn bê tông..., Xe vận chuyển có hoặc không gắn thiết bị nâng hạ, cặp giữ loại dùng trong nhà máy, kho hàng, sân bay, bến cảng, sân ga xe lửa	4390

43.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác Chi tiết: Bán buôn ô tô con (loại 12 chỗ ngồi trở xuống); Bán buôn xe có động cơ khác: Ô tô chở khách loại trên 12 chỗ ngồi, kể cả xe chuyên dụng như xe cứu thương; Ô tô vận tải, kể cả loại chuyên dụng như xe bồn, xe đông lạnh, rơ-moóc và bán rơ-moóc; Ô tô chuyên dụng: xe bồn, xe cứu hộ, xe cứu hỏa, xe chở rác, xe quét đường, xe phun tưới, xe trộn bê tông..., Xe vận chuyển có hoặc không gắn thiết bị nâng hạ, cặp giữ loại dùng trong nhà máy, kho hàng, sân bay, bến cảng, sân ga xe lửa	4511
44.	Đại lý ô tô và xe có động cơ khác Chi tiết: Đại lý ô tô con (loại 12 chỗ ngồi trở xuống); Đại lý xe có động cơ khác: Ô tô chở khách loại trên 12 chỗ ngồi, kể cả loại chuyên dụng như xe cứu thương, xe chở tù, xe tang lễ; Ô tô vận tải, kể cả loại chuyên dụng như xe bồn, xe đông lạnh, rơ-moóc và bán rơ-moóc; Ô tô chuyên dụng: xe bồn, xe cứu hộ, xe cứu hỏa, xe chở rác, xe quét đường, xe phun tưới, xe trộn bê tông, xe chiếu chụp X-quang	4513
45.	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác	4520
46.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác Chi tiết: bán buôn, bán lẻ và đại lý phụ tùng, các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác	4530
47.	Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy	4542
48.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy	4543
49.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa Chi tiết: Đại lý, môi giới	4610
50.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống	4620
51.	Bán buôn gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bột mỳ	4631
52.	Bán buôn thực phẩm	4632
53.	Bán buôn đồ uống Chi tiết: Bán buôn đồ uống có cồn; Bán buôn đồ uống có cồn	4633
54.	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép	4641
55.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết: Bán buôn đồ chế phẩm vệ sinh	4649
56.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
57.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652

58.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện); Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi); Bán buôn máy móc, thiết bị y tế; Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác chưa được phân vào đâu: người máy thuộc dây chuyền sản xuất tự động, các loại máy công cụ, dùng cho mọi loại vật liệu, máy móc, thiết bị khác chưa được phân vào nhóm nào, sử dụng cho sản xuất công nghiệp, thương mại, hàng hải và dịch vụ khác.	4659
59.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
60.	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan	4661
61.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại	4662
62.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng Chi tiết: Bán buôn tre, nứa, gỗ cây và gỗ chế biến; Bán buôn xi măng; Bán buôn gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi; Bán buôn kính xây dựng; Bán buôn sơn, vécni; Bán buôn gạch ốp lát và thiết bị vệ sinh; Bán buôn đồ nhữ kim; Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng: ống nối, khớp nối và chi tiết lắp ghép khác; thiết bị lắp đặt vệ sinh: ống, ống dẫn, khớp nối, vòi, cút chữ T, ống cao su	4663
63.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Bán buôn chất hóa học công nghiệp: anilin, mực in, tinh dầu, khí công nghiệp, keo hóa học, chất màu, nhựa tổng hợp, methanol, parafin, dầu thơm và hương liệu, soda, muối công nghiệp, axit và lưu huỳnh,... Bán buôn phân bón và sản phẩm nông hóa; Bán buôn chất dẻo dạng nguyên sinh; Bán buôn đá quý; Bán buôn phế liệu, phế thải kim loại/phi kim loại, nguyên liệu để tái sinh	4669
64.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ đồ ngũ kim trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ sơn, màu, véc ni trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ xi măng, gạch xây, ngói, đá, cát sỏi và vật liệu xây dựng khác trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ gạch ốp lát, thiết bị vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh: ống nối, khớp nối và chi tiết lắp ghép khác; thiết bị đặt vệ sinh: ống, ống dẫn, khớp nối, vòi, cút chữ T, ống cao su	4752

65.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ đồ điện gia dụng, đèn và các bộ đèn điện trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ giường, tủ, bàn, ghế và đồ dùng nội thất tương tự trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ đồ dùng gia đình bằng gốm, sứ, thủy tinh trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
66.	Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4761
67.	Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh	4771
68.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ hoa, cây cảnh trong các cửa hàng chuyên doanh	4773
69.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt) Chi tiết: Kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng theo Điều 7 Nghị định 10/2020/NĐ-CP quy định về kinh doanh và điều kiện kinh doanh vận tải bằng ô tô	4931
70.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ Chi tiết: Kinh doanh vận tải hàng hoá thông thường theo Điều 9 Nghị định 10/2020/NĐ-CP quy định về kinh doanh và điều kiện kinh doanh vận tải bằng ô tô	4933
71.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510
72.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
73.	Quảng cáo	7310
74.	Cho thuê đồ dùng cá nhân và gia đình khác Chi tiết: Trang phục và giày dép; Thiết bị điện và đồ gia dụng; Đồ trang sức, thiết bị âm nhạc, bàn ghế, phong bật, quần áo	7729
75.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển Chi tiết: Cho thuê máy móc, thiết bị nông, lâm nghiệp; Cho thuê máy móc và thiết bị xây dựng và kỹ thuật dân dụng; cho thuê máy móc, thiết bị văn phòng (kể cả máy vi tính); cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác chưa được phân vào đâu được sử dụng như hàng hóa trong kinh doanh	7730
76.	Đại lý du lịch	7911
77.	Điều hành tua du lịch	7912
78.	Vệ sinh chung nhà cửa	8121
79.	Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan	8130
80.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại Chi tiết: Tổ chức hội chợ, triển lãm thương mại	8230

81.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh	8299
82.	Giáo dục thể thao và giải trí	8551
83.	Giáo dục khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Giáo dục không được xác định theo cấp độ tại các trung tâm đào tạo bồi dưỡng; Các dịch vụ dạy kèm (gia sư) ; Dạy ngoại ngữ và dạy kỹ năng đàm thoại; Dạy máy tính	8559
84.	Hoạt động của các trung tâm, đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm Trừ hoạt động của các trung tâm giới thiệu lao động, việc làm	7810
85.	Đào tạo trung cấp	8532
86.	Cung ứng và quản lý nguồn lao động Chi tiết: Cung ứng lao động trong nước	7830
87.	Đào tạo sơ cấp	8531
88.	Dịch vụ hỗ trợ giáo dục	8560
89.	Hoạt động của các cơ sở thể thao	9311
90.	Hoạt động của các câu lạc bộ thể thao	9312
91.	Cho thuê thiết bị thể thao, vui chơi giải trí	7721
92.	Sản xuất sợi	1311
93.	Sản xuất vải dệt thoi	1312
94.	Hoàn thiện sản phẩm dệt	1313
95.	Sản xuất giày, dép	1520
96.	Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính	6202
97.	Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính	6209
98.	Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan	6311
99.	Cổng thông tin	6312
100.	Xuất bản phần mềm (không bao gồm các hoạt động xuất bản phần mềm nhà nước cấm)	5820
101.	Hoạt động viễn thông khác Chi tiết: hoạt động truy cập Internet	6190
102.	Lập trình máy vi tính	6201
103.	Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận	7320
104.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Quản lý dự án, thiết kế quy hoạch xây dựng; Thiết kế kiến trúc công trình. Thiết kế kết cấu công trình; Giám sát các công trình dân dụng Dịch vụ thiết kế cấp – thoát nước; Bảo trì, bảo dưỡng hệ thống xử lý nước cấp thoát nước và công trình do công ty trực tiếp thiết kế, thi công và lắp đặt	7110(Chính)

105.	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đầu Chi tiết: tư vấn về môi trường, tư vấn về công nghệ	7490
106.	Xây dựng nhà để ở	4101
107.	Xây dựng nhà không để ở	4102

6. Vốn điều lệ: 9.800.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. Số cổ phần được quyền chào bán: 980.000

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	CÔNG TY TNHH ELKAY VIỆT NAM	Đường Vũ Văn Cần, Phường Bàn Yên Nhân, Thị xã Mỹ Hào, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	88.200	882.000.000	9,000	0900994717	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	88.200	882.000.000	9,000		

2	NGUYỄN VĂN KHANH	Thôn Thiên Lộc, Xã Trung Hòa, Huyện Yên Mỹ, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	24.500	245.000.000	2,500	0330680046 72
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	24.500	245.000.000	2,500	
3	NGUYỄN VĂN KHẢI	Thôn Thiên Lộc, Xã Trung Hòa, Huyện Yên Mỹ, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	392.000	3.920.000.000	40,000	145496056
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	392.000	3.920.000.000	40,000	
4	NGUYỄN VĂN KHÁNH	Thôn Thiên Lộc, Xã Trung Hòa, Huyện Yên Mỹ, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	352.800	3.528.000.000	36,000	0330890059 43
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	352.800	3.528.000.000	36,000	

5	NGUYỄN THỊ HỒNG	Thôn Đồng Lại, Xã Ứng Hoà, Huyện Ninh Giang, Tỉnh Hải Dương, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	98.000	980.000.000	10,000	0301930009 91
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	98.000	980.000.000	10,000	
6	VŨ THỊ LƯỢT	Thôn Thiên Lộc, Xã Trung Hòa, Huyện Yên Mỹ, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	24.500	245.000.000	2,500	145681663
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	24.500	245.000.000	2,500	

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
-----	-------------	--	--------------	------------	---	-----------	---	---------

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: NGUYỄN VĂN KHẢI

Giới tính: *Nam*

Chức danh: *Tổng giám đốc*

Sinh ngày: *21/12/1993*

Dân tộc: *Kinh*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: *Chứng minh nhân dân*

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: *145496056*

Ngày cấp: *08/12/2014*

Nơi cấp: *Công an Tỉnh Hưng Yên*

Địa chỉ thường trú: *Thôn Thiên Lộc, Xã Trung Hòa, Huyện Yên Mỹ, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam*

Địa chỉ liên lạc: *Thôn Thiên Lộc, Xã Trung Hòa, Huyện Yên Mỹ, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam*

11. Nơi đăng ký: *Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội*